

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 0413/BTNMT. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh

Thông kê số lượng, tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Cách ghi biểu

Cột B: ghi theo danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo danh mục đơn vị hành chính.

Cột 1: ghi tổng số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn;

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 + Cột 5

Các cột 2, 3, 4, 5: ghi số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn chia theo quy mô bãi chôn lấp: nhỏ (diện tích dưới 10 ha), vừa (diện tích 10-<30 ha), lớn (diện tích 30-<50 ha), rất lớn (diện tích ≥ 50 ha);

Cột 6: ghi tổng số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh;

Cột 6 = Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10

Các cột 7, 8, 9, 10: ghi số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh chia theo quy mô bãi chôn lấp: nhỏ (diện tích dưới 10 ha), vừa (diện tích 10-<30 ha), lớn (diện tích 30-<50 ha), rất lớn (diện tích ≥ 50 ha);

Cột 11: ghi tỷ lệ phần trăm bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh;

Cột 11 = (Cột 6 : Cột 1) x 100

3. Nguồn số liệu

- Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ Xây dựng.